

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 12 năm 2025

“V/v Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

2. Ông Đường Ngọc Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tú - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Chu Thị L, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ. (Có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2025, lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Minh T kết hôn với nhau ngày 07 tháng 7 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nay là tỉnh Phú Thọ, kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu trong thời gian là 06 tháng và được hai bên gia đình nhất trí. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng mẹ anh T tại thôn

H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn Hương N, xã B, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3 năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, nợ nần nhiều, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ cuối tháng 8 năm 2025, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Hoàng Hoài N, sinh ngày 09/5/2021, hiện cháu D đang ở với chị, còn cháu N đang ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu D, để anh T nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị và anh T đều làm nghề tự do, thu nhập của chị từ khoảng 6 triệu đến 7 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Minh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nên không có lời khai.

Người làm chứng bà Chu Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản làm việc ngày 11/11/2025 bà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T: Chị N và anh T kết hôn với nhau ngày 07/7/2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nay là tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn chị N và anh T được tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng bà tại thôn H, xã H, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã B, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh T chơi bời, không chăm lo cho gia đình, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 8 năm 2025 vợ chồng chị N, anh T ly thân từ đó cho đến nay. Chị N cũng đã tha thứ, tạo điều kiện cho anh T sửa đổi nhưng anh T không sửa đổi nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị N xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N.

Về con chung của chị N và anh T: Bà được biết anh chị có 02 con chung tên là Hoàng Anh D, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Hoàng Hoài N, sinh ngày 09/5/2021, hiện cháu D đang ở với chị N, còn cháu N đang ở với anh T. Nếu chị N và anh T ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được nuôi dưỡng cháu D, anh T nuôi dưỡng cháu N, hiện anh T và chị N đều làm nghề tự do, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung,

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác của chị N, anh T: Điều không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N, căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Minh T, về con chung: đề nghị giao cho chị N được nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 01/02/2016, anh T được nuôi dưỡng cháu Hoàng Hoài N, sinh ngày 09/5/2021, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Minh T, có địa chỉ tại: thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Hoàng Minh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không lên Tòa án làm việc, tham gia phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 07 tháng 07 năm 2015 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh T vì xác định quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu chừa làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi dẫn đến chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã.

Lời trình bày của chị N đã được mẹ của anh T là bà L xác nhận, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là thật. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau một thời gian dài, sau khi ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau và không chăm sóc nhau trong cuộc sống, bản thân anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị N, bà L, các tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Phú Thọ và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L đã thể hiện giữa chị N và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Hoàng Hoài N, sinh ngày 09/5/2021, hiện cháu D đang ở với chị N, còn cháu N đang ở với anh T. Ly hôn chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh D, để anh T được nuôi dưỡng cháu Hoàng Hoài N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị N là chính đáng, bản thân chị N và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi con. Theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con để quyết định giao cho bố, mẹ. Hiện tại theo như chị N và bà L cung cấp thì chị N và anh T đều làm nghề tự do, tại biên bản xác minh ngày 11/11/2025 đại diện chính quyền địa phương cung cấp thu nhập bình quân của lao động tự do tại địa phương là khoảng 5 triệu đồng/tháng, chị N trình bày thu nhập trung bình của chị từ khoảng 6 triệu đến 7 triệu đồng là phù hợp. Căn cứ vào lời khai của bà L là mẹ anh T và cung cấp của chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh T đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau, từ khi chị N, anh T ly thân cho đến nay cháu D vẫn ở cùng chị N, còn cháu N vẫn ở cùng anh T, chị N và anh T đều trực tiếp nuôi con, bên cạnh đó cháu D có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Qua xem xét điều kiện thực tế của chị N, anh T, xét nguyện vọng của con chưa thành niên, hoàn cảnh thực tế của các cháu D và cháu N đã ở cùng chị N và anh T, để không làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của các cháu cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng cháu D, anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Minh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Anh D, sinh ngày 01/02/2016, hiện cháu D đang ở với chị N. Giao cho anh Hoàng Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Hoài N, sinh ngày 09/5/2021, hiện cháu N đang ở với anh T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003140 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan

